

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Mua sắm tập trung vật tư y tế bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh
và dự phòng cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế
từ Quý IV năm 2020 đến hết Quý II năm 2021 (đấu thầu lại)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại Tờ trình số 6109/TTr-BVĐKT ngày 09/12/2020 và đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 367/BC-SYT ngày 18/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm tập trung vật tư y tế bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh và dự phòng cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế từ Quý IV năm 2020 đến hết Quý II năm 2021 (đấu thầu lại); cụ thể như sau:

1. Đơn vị mua sắm tập trung/ Bên mời thầu: Bệnh viện đa khoa tỉnh.

2. Đơn vị trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng mua sắm, thanh toán cho nhà thầu được lựa chọn: Các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế.

3. Cách thức thực hiện mua sắm tập trung: Mua sắm tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung.

4. Tổng mức đầu tư/ tổng dự toán mua sắm: 27.200.005.232 đồng (Hai mươi bảy tỷ, hai trăm triệu, không trăm không năm ngàn, hai trăm ba mươi hai đồng).

Danh mục mua sắm vật tư y tế: Thực hiện theo Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm Quyết định này.

5. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) cấp, nguồn quỹ bảo hiểm y tế (BHYT), nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế.

6. Địa điểm giao hàng: Tại các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế.

7. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc đã thực hiện:

- Lập danh mục, lựa chọn quy cách, tính năng kỹ thuật, xây dựng dự toán, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung các loại vật tư y tế bổ sung (đấu thầu lại): Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thẩm định, trình duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế bổ sung (đấu thầu lại): Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Thực hiện theo Biểu tổng hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt tại Điều 1 Quyết định này; thực hiện nhiệm vụ của Đơn vị mua sắm tập trung theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thủ trưởng các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế có trách nhiệm ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng mua sắm tập trung vật tư y tế bổ sung (đấu thầu lại) theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định; Thủ trưởng các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Lâm Hải Giang;
- PVPVX;
- Lưu: VP, K15.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Biểu tổng hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Mua sắm tập trung vật tư y tế bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh
và dự phòng cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế
từ Quý IV năm 2020 đến hết Quý II năm 2021 (đấu thầu lại)



(Kèm theo Quyết định số **5315** /QĐ-UBND ngày **28** / **12** /2020

của UBND tỉnh Bình Định).

Gói thầu số	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Mua sắm bông, băng, băng dính, gạc (Danh mục gồm 17 mặt hàng, theo Phụ lục 1 đính kèm).	5.102.335.855	Nguồn NSNN cấp, nguồn quỹ BHYT, nguồn thu từ dịch vụ KCB và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế.	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Từ tháng 12 năm 2020	Hợp đồng trọn gói theo từng mặt hàng (từng phần độc lập của gói thầu)	Từ khi hợp đồng có hiệu lực đến hết Quý II năm 2021
2	Mua sắm bơm tiêm, dây truyền dịch, kim lùn, găng tay, ống nghiệm (Danh mục gồm 20 mặt hàng, theo Phụ lục 2 đính kèm).	17.502.364.529			01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ			
3	Mua sắm chỉ phẫu thuật (Danh mục gồm 33 mặt hàng, theo Phụ lục 2 đính kèm).	4.595.304.848			01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ			
TỔNG GIÁ TRỊ 03 GÓI THẦU: 27.200.005.232 đồng (Hai mươi bảy tỷ, hai trăm triệu, không trăm không năm ngàn, hai trăm ba mươi hai đồng).								

Ghi chú: Giá mua sắm vật tư y tế nêu tại các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, thuế VAT và các chi phí khác... đến tận kho thuốc, vật tư y tế của các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Định.

PHỤ LỤC 1

Gói thầu số 1: Mua sắm bông, băng, băng dính, gạc

(Kèm theo Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh)

S TT	MSDT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kê hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Nhóm 5:	- Có số lưu hành tại Việt Nam (bao gồm cả các trường hợp được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành); - Sản xuất tại Việt Nam.					
1	N5.BB001	Băng vải cuộn	0,09m x 2,5m.	Cuộn	98.080	1.320	129.465.600
2	N5.BB002	Bông ép sọ não	2cm x 7cm x 2 lớp. Cân quang, vô trùng	Cái	3.000	899	2.697.000
3	N5.BB003	Bông ép sọ não	2cm x 7cm x 4 lớp. Cân quang, vô trùng	Cái	25.000	1.242	31.050.000
4	N5.BB004	Bông gạc đắp vết thương	8cm x 15cm. Vô trùng	Miếng	22.200	1.296	28.771.200
5	N5.BB005	Bông gạc đắp vết thương	8cm x 20cm. Vô trùng	Miếng	29.200	3.490	101.908.000
6	N5.BB006	Bông gạc đắp vết thương	10cm x 20cm. Vô trùng	Miếng	24.200	1.680	40.656.000
7	N5.BB007	Bông thay băng	30mm x 30mm. Gói 1 kg	Gói	5.345	195.341	1.044.097.645
8	N5.BB008	Bông tiêm thuốc	20mm x 20mm. Gói 0,5kg	Gói	14.590	73.458	1.071.752.220
9	N5.BB009	Bông y tế không hút nước	Bi 1kg	Kg	227	155.000	35.185.000
10	N5.BB010	Gạc miếng phẫu thuật	25cm x 40cm x 3 lớp. Vô trùng, có quai, có cân quang. Sợi Cotton: 100% 1cm ² gạc có: 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. 1m ² = 30g ± 5%.	Miếng	10.020	3.162	31.683.240
11	N5.BB011	Gạc miếng phẫu thuật (Gạc ruột thừa)	6cm x 80cm x 3 lớp. Vô trùng có chỉ cân quang	Miếng	16.700	2.666	44.522.200
12	N5.BB012	Gạc miếng Vaseline	Kích thước: 18cm x 20cm Bi 1 miếng	Miếng	12.200	1.260	15.372.000
13	N5.BB013	Gạc phẫu thuật (gạc mèche)	3,5cm x 75cm x 6 lớp. Vô trùng, cân quang.	Miếng	3.300	1.764	5.821.200
II	Nhóm 6:	Gồm các trang thiết bị y tế không thuộc nhóm 1,2,3,4,5:					
14	N6.BB001	Băng dính cá nhân	19mm x 72mm	Miếng	345.650	485	167.640.250
15	N6.BB002	Băng dính cá nhân	2cm x 6cm	Miếng	100	505	50.500
16	N6.BB003	Băng dính cố định	8cm x 4,5m	Cuộn	90	107.500	9.675.000
17	N6.BB004	Băng dính vải	Công nghệ vải lụa Taffeta, lớp nền 100% sợi cellulose acetate, keo oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 2,5cm x 5m, xé ngang dọc được.	Cuộn	127.282	18.400	2.341.988.800
		Danh mục này có 17 mặt hàng.			Tổng giá trị:	5.102.335.855	

Qu

PHỤ LỤC 2

Gói thầu số 2: Mua sắm bơm tiêm, dây truyền dịch, kim lùn , găng tay, ống nghiệm

(Kèm theo Quyết định số 5315/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh)

STT	MSĐT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Nhóm 4:	- Được ít nhất 01 nước tham chiếu cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do; - Không sản xuất tại các nước tham chiếu hoặc sản xuất tại Việt Nam.					
1	N4.BT001	Bộ bơm tiêm cơ học đàn hồi dùng cho thuốc ung thư.	Thê tích đàn hồi 100ml, tốc độ truyền 2ml/giờ, thời gian 48 giờ Màng lọc 1.2µm Tích hợp van một chiều chống trào ngược và khóa kẹp trong đường truyền. Đầu nối LuerLock không dùng kim Tiêu chuẩn: ISO	Bộ	20	450.000	9.000.000
2	N4.BT002	Bộ bơm tiêm cơ học đàn hồi dùng cho thuốc ung thư.	Thê tích đàn hồi 270ml, tốc độ truyền 2ml/giờ, thời gian 132 giờ. Màng lọc 1.2µm Tích hợp van một chiều chống trào ngược và khóa kẹp trong đường truyền. Đầu nối Luerlock không dùng kim Tiêu chuẩn: ISO	Bộ	30	589.995	17.699.850
3	N4.BT003	Kim lùn tĩnh mạch an toàn	Các số: 16G, 18G, 20G, 22G, 24G, 26G Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, phủ silicon, có đầu bảo vệ bằng kim loại bọc nhựa dài 2cm. Ống catheter có 6 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Khử trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn: CE	Cái	6.500	14.700	95.550.000
II	Nhóm 5:	- Có số lưu hành tại Việt Nam (bao gồm cả các trường hợp được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành); - Sản xuất tại Việt Nam.					
4	N5.BT001	Bơm tiêm nhựa	1ml + kim 26Gx1/2, gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc Tiêu chuẩn: ISO.	Cái	209.950	588	123.450.600
5	N5.BT002	Bơm tiêm nhựa	3ml + kim 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn: ISO.	Cái	210.600	515	108.459.000
6	N5.BT003	Bơm tiêm nhựa	5ml + kim 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn: ISO.	Cái	3.239.739	588	1.904.966.532
7	N5.BT004	Bơm tiêm nhựa	10ml + kim 23G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn: ISO.	Cái	264.630	877	232.080.510

[Handwritten signature]

STT	MSĐT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)	
8	N5.BT005	Bơm tiêm nhựa	10ml + kim 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pit tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiêu chuẩn: ISO.	Cái	1.329.400	877	1.165.883.800	
9	N5.BT006	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh có nút vặn	Ống 1,5ml	Ống	3.900	231	900.900	
10	N5.BT007	Ống nghiệm nhựa	Có hạt latex, nắp đỏ	Ống	107.421	651	69.931.071	
11	N5.BT008	Ống nghiệm nhựa	Không nắp, 5ml (12mm x 75mm)	Ống	97.900	209	20.461.100	
12	N5.BT009	Ống nghiệm nhựa Citrat Natri 3,8%	2ml, dùng xét nghiệm các yếu tố đông máu, tốc độ lắng máu	Ống	67.030	714	47.859.420	
III	Nhóm 6:	Gồm các trang thiết bị y tế không thuộc nhóm 1,2,3,4,5:						
13	N6.BT001	Găng tay cao su không bột	Các size: S, M	Đôi	1.000	3.900	3.900.000	
14	N6.BT002	Găng tay dài (sản)	Các size: S, M, L	Đôi	1.610	22.410	36.080.100	
15	N6.BT003	Găng tay khám	Các size: S,M	Đôi	2.388.341	2.500	5.970.852.500	
16	N6.BT004	Găng tay phẫu thuật chưa tiệt trùng	Dài 280mm Các số: 6,5; 7; 7,5 Độ dày nhỏ nhất: 0,1mm. Trọng lượng và chiều rộng: Số 7 trong khoảng (8.6-8.8gr)/đôi; (89±5)mm. Số 7,5 trong khoảng (9.2-9.4gr)/đôi; (95±5)mm. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE	Đôi	705.662	4.973	3.509.257.126	
17	N6.BT005	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Dài 280mm Các số: 6,5; 7; 7,5 Vô trùng. Gói 1 đôi.	Đôi	610.790	6.838	4.176.582.020	
18	N6.BT006	Ống nghiệm thủy tinh	10mm x 70mm	Ống	5.000	1.500	7.500.000	
19	N6.BT007	Ống nghiệm thủy tinh	12mm x 100mm	Ống	100	1.500	150.000	
20	N6.BT008	Ống nghiệm thủy tinh	13mm x 100mm	Ống	1.200	1.500	1.800.000	
Danh mục gồm 20 mặt hàng							17.502.364.529	

PHỤ LỤC 3

Gói thầu số 3: Mua sắm chỉ phẫu thuật

(Kèm theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh)

STT	MSĐT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Nhóm 3:	- Được ít nhất 01 nước tham chiếu cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do; - Sản xuất tại nước tham chiếu hoặc sản xuất tại Việt Nam.					
1	N3.CH001	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 8/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn Multi-Pass BV130-5 dài 6.5mm, 3/8C Tiêu chuẩn: FDA	Tép	50	589.050	29.452.500
2	N3.CH002	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 9/0 dài 13cm, 1 kim tròn đầu tròn BV100-4 dài 5.1 mm, 3/8C. Tiêu chuẩn: FDA	Tép	50	709.590	35.479.500
3	N3.CH003	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene, Số 5/0, dài 75cm, kim tròn 3/8C, dài 13mm. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Tép	40	148.400	5.936.000
4	N3.CH004	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Nylon/Polyamide, Số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 6,5mm, 3/8 C. Tiêu chuẩn: Chứng nhận CE của EU hoặc Chứng nhận FDA.	Tép	334	229.845	76.768.230
5	N3.CH005	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polyamide 6&66, số 6/0, dài 45cm, kim tam giác ngược, độ dài kim 11mm, độ cong của kim 3/8C	Tép	240	102.250	24.540.000
6	N3.CH006	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene, Số 10/0, dài 20cm, sợi 2 kim thẳng, hình thang, dài 16mm. Nhà sản xuất đạt ISO	Tép	36	180.000	6.480.000
7	N3.CH007	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40 mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	1.000	81.477	730.937.150
8	N3.CH008	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 2/0, dài 75 cm, kim tròn đầu tròn SH 26 mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	2.680	69.300	185.724.000
9	N3.CH009	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP, số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến 26 mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	1.000	80.325	80.325.000
10	N3.CH010	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 0, dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến 40 mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	1.196	100.545	120.251.820
11	N3.CH011	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, Số 4/0, được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, dài 75cm, kim tròn đầu tròn, kim SH-2 Plus, 20 mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	1.000	71.715	71.715.000

STT	MSĐT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
12	N3.CH012	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, vỏ bọc PG370- Calcium stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP, số 3/0, dài tối thiểu 70cm, kim tròn đầu tròn SH -plus 26 mm, 1/2C Tiêu chuẩn: ISO, CE	Tép	120	77.532	9.303.840
13	N3.CH013	Chi thép (may xương ức)	Chi thép Stainless Steel Wire số 5, dài 75cm, kim 55mm, 1/2C, kim tam giác. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	90	119.700	10.773.000
II	Nhóm 4:	- Được ít nhất 01 nước tham chiếu cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do; - Không sản xuất tại các nước tham chiếu hoặc sản xuất tại Việt Nam.					
14	N4.CH001	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đa sợi	Polyester bao phủ bằng polybutylate số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu tròn SH dài 26mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	300	109.500	32.850.000
15	N4.CH002	Chi phẫu thuật tan nhanh tổng hợp đa sợi	Polyglactine 910 (Rapid) được bọc bởi 50% Polyglactine 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tam giác dài 19mm, độ cong của kim 3/8C. Tiêu chuẩn CE.	Tép	280	82.676	23.149.280
16	N4.CH003	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, Số 6/0, dài 45cm, sợi 2 kim, kim hình thang, dài 8mm, độ cong của kim 1/4 đường tròn. Nhà sản xuất đạt ISO	Tép	228	177.811	40.540.908
17	N4.CH004	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, Số 6/0, được bọc bởi 50% là Polyglactine 370 và 50% là Calcium Stearate, dài 45cm, kim tròn đầu tròn, kim RB-2, 13mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	300	178.500	53.550.000
18	N4.CH005	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, Số 7/0, được bọc bởi 50% là Polyglactine 370 và 50% là Calcium Stearate, dài 30cm, 2 kim spatula 6.5 mm. Tiêu chuẩn: FDA.	Hộp	49	2.720.000	133.280.000
19	N4.CH006	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi	Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus SH dài 26mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	250	121.479	30.369.750
20	N4.CH007	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi	Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn BB dài 17mm, 3/8C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	100	113.946	11.394.600
21	N4.CH008	Chi phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi không thắt nút, có hàng neo xoắn	PGA-PCL dạng không thắt nút có hàng neo xoắn, các neo cách nhau 1mm. Cờ chỉ số 3/0 dài 20 cm không màu, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn SH dài 26mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: FDA.	Tép	50	1.249.500	62.475.000
III	Nhóm 5:	- Có số lưu hành tại Việt Nam (bao gồm cả các trường hợp được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành); - Sản xuất tại Việt Nam.					
22	N5.CH001	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chi + kim. Chi làm bằng chất liệu polyamid (Nylon), số 10/0, dài 30cm, sợi hai kim, kim hình thang, 3/8C, dài 6,2mm. Nhà sản xuất đạt ISO.	Tép	1.236	207.690	256.704.840

STT	MSDT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
23	N5.CH002	Chỉ phẫu thuật tan nhanh tổng hợp đa sợi	Polyglycolic Acid (Rapid), Số 3/0, dài 70cm hoặc 75cm, kim tròn, dài 26mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	200	54.600	10.920.000
24	N5.CH003	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn, số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper 40 mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO.	Tép	14.590	98.427	1.436.049.930
25	N5.CH004	Chỉ phẫu thuật tự tiêu sinh học đơn sợi (tan tự nhiên)	Catgut Chromic, Số 2/0, dài 150cm, không kim	Tép	700	18.000	12.600.000
IV	Nhóm 6:	Gồm các trang thiết bị y tế không thuộc nhóm 1,2,3,4,5:					
26	N6.CH001	Chỉ phẫu thuật tan nhanh đơn sợi thiên nhiên	Plain Catgut, Số 3/0, dài 75cm, kim tròn dài 26mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	350	19.000	6.650.000
27	N6.CH002	Chỉ phẫu thuật tan nhanh tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 (Rapid), Số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 19 mm. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	220	65.100	14.322.000
28	N6.CH003	Chỉ phẫu thuật tan nhanh tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 (Rapid), Số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt, dài 36mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	5.050	58.800	296.940.000
29	N6.CH004	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, Số 2/0, dài 75cm, kim tròn, dài 26mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	9.270	42.000	389.340.000
30	N6.CH005	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, Số 4/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn, kim SH-2 plus, 20mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	6.000	55.885	335.310.000
31	N6.CH006	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910, Số 6/0, dài 75cm, kim tròn, dài 13mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	150	45.150	6.772.500
32	N6.CH007	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi	Polyglycolic Acid (PGA), Số 4/0, dài 75cm, kim tròn, dài 22mm, 1/2C. Tiêu chuẩn: ISO	Tép	1.000	38.900	38.900.000
33	N6.CH008	Chỉ Thép	Đường kính: 0,5mm - 0,7mm. Cuộn 5m	Cuộn	31	500.000	15.500.000
Danh mục gồm 33 mặt hàng.						Tổng giá trị:	4.595.304.848

